TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **100**/2017/QĐST-DS	*T, ngày 22 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 266/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1966; cư trú tại: Số lô PM - Ô 4E, Tổ 45, khu tái định cư Phú Mỹ (Nay là Khu 01, phường P), thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông Bùi Văn H: Anh Đào Ngọc D, sinh năm 1990; cư trú tại: Số nhà 45/21, khu phố Thống Nhất, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2017).

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị P; sinh năm 1988; cư trú tại: Số nhà 116, đường số 51, Khu tái định cư Phú Chánh, Khu 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Trịnh Thị Ng, sinh năm 1962; cư trú tại: Số lô PM - Ô 4E, Tổ 45, khu tái định cư Phú Mỹ (Nay là Khu 1, phường P), thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Trịnh Thị Ng: Anh Đào Ngọc D, sinh năm 1990; cư trú tại: Số nhà 45/21, khu phố Thống Nhất, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2017).

3.2. Anh Văn Tiến D; sinh năm 1973; cư trú tại: Số nhà 116, đường số 51, khu tái định cư Phú Chánh, Khu 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị P và anh Văn Tiến D có trách nhiệm tự tháo dỡ toàn bộ công trình gắn liền với diện tích đất tranh chấp là 3,95m^2 tại Khu 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Có sơ đồ kèm theo) để trả lại diện tích đất 3,95m^2 trên cho ông Bùi Văn H.

2. Ông Bùi Văn H có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị P và anh Văn Tiến D số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 976xxx (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01xxx) do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 26/5/2011 mang tên ông Bùi Văn H và bà Trịnh Thị Ng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 778xxx (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02xxx) do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 23/9/2013 mang tên chị Nguyễn Thị P để cấp lại theo đúng diện tích đất chị Nguyễn Thị P, anh Văn Tiến D và ông Bùi Văn H, bà nguyễn Thị Ng đang sử dụng.

4. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền đo đạc, thẩm định và định giá tài sản là: 3.127.366 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi sáu đồng), ông Bùi Văn H tự nguyện nộp.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ông Bùi Văn H tự nguyện nộp 500.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Bùi Văn H đã nộp là 300.000 đồng (Do anh Đào Ngọc D nộp thay) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0001133 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T; ông Bùi Văn H còn phải nộp 200.000 đồng;

5.2. Chị Nguyễn Thị P, anh Văn Tiến D phải nộp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Vọng